TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ C** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/02/2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm

Bà Nguyễn Kim Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 872/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/02/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng T, sinh năm: 1978; đăng ký thường trú: Số 343/12, tổ 12, khu phố 1, phường Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương – có mặt;

- Bị đơn: Ông Cao A, sinh năm: 1985; đăng ký thường trú: Số 343/12, tổ 12, khu phố 1, phường Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Đặng T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông A chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C (nay là phường Đ, thị xã C), tỉnh Bình Dương ngày 10/12/2006, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017-2018 thì phát sinh mâu thuẫn do ông A có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Năm 2018, trong lúc cãi vã ông A đã đổ xăng dọa đốt

nhà, sự việc có báo cho chính quyền địa phương xử lý. Tháng 06/2019, bà T đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhưng sau đó bà T rút đơn khởi kiện vì vẫn còn tình cảm vợ chồng, mong muốn được hàn gắn tình cảm, đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng vẫn không hàn gắn được tình cảm mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án xem xét cho bà T và ông A ly hôn.

- Về con chung: Bà T và ông A có 02 con chung là Cao M, sinh ngày 05/02/2009 và Cao N, sinh ngày 06/01/2014. Bà T yêu cầu được tiếp tục chăm nom, chăm sóc các con chung. Bà T không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn Ông Cao A vắng mặt tại phiên tòa. Tại Biên bản lấy lời khai 13/02/2020, ông A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông A thống nhất với lời trình bày của bà Tuyền.

- Về mâu thuẫn vợ chồng: Ông A thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do ông A có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và trong lúc vợ chồng cãi vã, ông A có đổ xăng để dọa đốt nhà. Mặc dù vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nhưng ông A không đồng ý ly hôn vì các con còn quá nhỏ.

- Về con chung: Ông A thống nhất với lời trình bày của bà T về con chung. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì ông A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày như trên và không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

- Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C có ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định; nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không thực hiện nghĩa vụ phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

+ Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Nguyên đơn không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Cao A có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Xét việc vắng mặt của ông A tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà T và ông A chung sống tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C (nay là phường Đ, thị xã C), tỉnh Bình Dương ngày 10/12/2006.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông A đều thống nhất trình bày về nguyên nhân làm phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng là do ông A có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà T đã từng nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Vợ chồng vẫn không giải quyết được các mâu thuẫn với nhau nên bà T tiếp tục nộp đơn yêu cầu Tòa án xem xét cho ly hôn. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và nhiều lần triệu tập ông A đến Toà án để hoà giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông A không chấp hành theo giấy triệu tập, không có mặt ở Toà án. Qua đó cho thấy ông A không có thiện chí hoà giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Điều này cũng cho thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà T, ông A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho bà T ly hôn với ông A.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông A có 02 con chung là Cao M, sinh ngày 05/02/2009 và Cao N, sinh ngày 06/01/2014.

Bà T và ông A đều yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc các con chung. Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/02/2020, cháu A có nguyện vọng sống chung với mẹ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/02/2020, ông A khai thường xuyên phải đi làm xa nên không có thời gian chăm sóc, đưa rước các con đi học. Như vậy, ông A không có điều kiện thuận lợi để chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Bản thân bà T từ trước đến nay là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con. Do đó, xét thấy nên giao các con cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con và bảo đảm các con được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt hơn. Ông A có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà T và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông A trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các đương sự tự khai không có nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà T yêu cầu ly hôn với ông A, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch. Theo khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Tuyền phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng T đối với bị đơn ông Cao A về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng T và ông Cao A được ly hôn.

- Về con chung: Giao cho bà Đặng T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung là Cao M, sinh ngày 05/02/2009 và Cao N, sinh ngày 06/01/2014.

Ông Cao A không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Cao A có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Bà Đặng T và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Cao A trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ này.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự tự khai không có nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đặng T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm án phí số AA/2016/0042355 ngày 13/12/2019.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Đặng T có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Cao A vắng mặt có

quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- UBND phường Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Xuân